

Bản án số: 105/2024/KDTM-ST

Ngày: 26-8-2024

V/v tranh chấp hợp đồng thi công

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 12 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huyền Tôn Nữ Kiều Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Lâm Thị Nga;
- Ông Nguyễn Văn Quân;

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lê, Thư ký Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 60/2024/TLST-KDTM ngày 16 tháng 04 năm 2024 về việc “Tranh chấp kinh doanh thương mại về hợp đồng thi công” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 918/2024/QĐXX-ST ngày 08 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 1104/2024/QĐST-KDTM ngày 30 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty Cổ phần Đ

Địa chỉ trụ sở: 132-134, đường N, phường B, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Hà Thái H, sinh năm 1983, địa chỉ: 1, đường N, phường B, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh, là đại diện theo pháp luật của Công ty Cổ phần Đ.

(Có mặt)

2. Bị đơn: Công ty Cổ phần T1

Địa chỉ trụ sở: I N, Khu phố A, phường Đ, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo pháp luật của bị đơn: Ông Trần Minh P, sinh năm 1975, địa chỉ: I N, Khu phố A, phường Đ, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Vắng mặt)

Người đại diện hợp pháp của bị đơn tham gia tố tụng: Bà Trần Thị H1, sinh năm 1985, Chức vụ: Nhân viên Công ty Cổ phần T1, địa chỉ: 2 P, Phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh (Theo Giấy ủy quyền không số ngày 04/7/2024).

(Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Về nội dung, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Trong đơn khởi kiện ngày 07 tháng 4 năm 2024, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện nguyên đơn trình bày như sau:

Vào ngày 23/09/2019, Công ty Cổ phần Đ (Sau đây gọi tắt là công ty Đ) và Công Ty Cổ Phần T1 (Sau đây gọi tắt là công ty T1) có ký hợp đồng “Thi Công Phần hệ thống MEP (hệ thống điện nước và điện nhẹ) cho Nhà khách Công vụ Công an Tỉnh B số 25/09/HĐTC/BTP-QT, giá trị hợp đồng là 6.189.473.152 (Sáu tỷ, một trăm tám mươi chín triệu bốn trăm bảy mươi ba ngàn một trăm năm mươi hai) đồng. Theo Điều 7 của hợp đồng, công ty Đ có nghĩa vụ bảo hành công trình là 18 (Mười tám) tháng kể từ ngày “Biên bản nghiệm thu hoàn thành” và đưa vào sử dụng công trình được Chủ đầu tư ký (Tức từ ngày 29/04/2022 đến ngày 30/10/2023). Công ty Đ đã hoàn thành tất cả trách nhiệm và toàn bộ công việc theo hợp đồng như hóa đơn tài chính đã xuất đầy đủ cho công ty T1 cũng như nghĩa vụ bảo hành. Phía Chủ đầu tư cũng như công ty T1 không có bất văn bản nào thể hiện sự phản hồi về sai sót, khiếu nại chất lượng thi công và công việc bảo hành, bảo trì của công ty Đ.

Quá trình thực hiện hợp đồng, công ty T1 đã thanh toán giá trị thi công công trình cho công ty Đ thể hiện theo bảng kê như sau:

TT	Nội dung	Ký hiệu Cách tính	Giá trị sau thuế (VNĐ)
1	Giá trị hợp đồng	1	6.189.473.152
2	Giá trị quyết toán	2	6.052.766.838
3	Đã thanh toán	3	5.750.128.496
4	Giá trị giữ bảo hành	4	302.638.342
5	Giá trị bên A còn phải thanh toán tiền bảo hành là	5 = 2-3	302.638.342

Số tiền công ty T1 còn chưa thanh toán cho công ty Đ là 5% giá trị hợp đồng, tương đương 302.638.342 (Ba trăm lẻ hai triệu sáu trăm ba mươi tám ngàn ba trăm bốn mươi hai) đồng. Số tiền này theo thỏa thuận, sau khi hết thời hạn bảo hành, bảo trì công trình thi công, công ty T1 sẽ thanh toán cho công ty Đ. Công ty Đ đã liên hệ công ty T1 để ký biên bản đối chiếu công nợ và biên bản kết thúc bảo hành nhưng phía công ty T1 chỉ làm việc qua zalo. Ngày 30/11/2023, phía công ty T1 gửi mẫu biên bản kết thúc bảo hành qua zalo cho công ty Đ. Ngày 01/12/2023, công ty Đ đến trực tiếp trụ sở của công ty T1, đem theo dấu mộc để hai bên kết thúc bảo hành. Tuy nhiên, công ty T1 giữ biên bản kết thúc bảo hành và không trả lại cho công ty Đ biên bản này mặc dù công ty Đ đã nhiều lần yêu cầu.

Nay công ty Đ yêu cầu công ty T1 thanh toán 5% giá trị hợp đồng mà công ty T1 giữ lại và cam kết trả cho công ty Đ sau khi kết thúc thời hạn bảo hành. Số tiền này là 302.638.342 (Ba trăm lẻ hai triệu sáu trăm ba mươi tám ngàn ba trăm bốn mươi hai) đồng.

* Về ý kiến, đề nghị của bị đơn: Tại biên bản hòa giải ngày 08 tháng 7 năm 2024, đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày:

Công ty T1 xác nhận còn giữ lại chưa thanh toán cho công ty Đ 302.638.342 (Ba trăm lẻ hai triệu sáu trăm ba mươi tám ngàn ba trăm bốn mươi hai) đồng tiền bảo hành công trình “Thi công phần hệ thống MEP (hệ thống điện nước và điện nhẹ)” thuộc công trình Nhà khách Công vụ Công an tỉnh B. Do công ty có khó khăn về tài chính trong những năm sau đại dịch nên đề nghị công ty Đ cho công ty T1 trả dần số tiền còn thiếu này theo phương thức mỗi năm trả 60.000.000 đồng (Sáu mươi triệu) đồng, trả dần cho đến khi hết số tiền nêu trên.

* Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 12 tham gia phiên tòa có ý kiến như sau:

Về thủ tục tố tụng: Thủ tục khởi kiện và thụ lý vụ án thực hiện đúng quy định của pháp luật. Tòa án thụ lý đúng thẩm quyền. Việc tổng đạt các văn bản tố tụng và chuyển hồ sơ cho Viện Kiểm sát nghiên cứu thực hiện đúng theo quy định pháp luật. Tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử tuân theo quy định của pháp luật Tố tụng dân sự. Ngoài ra còn nhận xét về việc tham gia tố tụng của các đương sự. Viện kiểm sát có kiến nghị Tòa án khắc phục vi phạm về thời hạn đưa vụ án ra xét xử.

Về nội dung: Các yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở nên đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Nguyên đơn và bị đơn là pháp nhân, hoạt động kinh doanh, đều có mục đích lợi nhuận khi giao kết hợp đồng thi công. Việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền công nợ còn thiếu phát sinh từ hợp đồng thi công đã được các bên ký kết nên đây là "Tranh chấp kinh doanh thương mại về hợp đồng thi công". Bị đơn có trụ sở chính tại Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh nên theo quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về yêu cầu của các đương sự:

Ngày 23/9/2019, công ty Đ và công ty T1 có ký hợp đồng “Thi công xây dựng” số 25/09/HĐTC2019/PTP-QT. Theo đó, đại diện theo pháp luật của công ty Đ trực tiếp ký kết hợp đồng. Phía đối tác có ông Đinh Văn T là Tổng giám đốc của công ty T1 ký hợp đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng, các bên ký thêm 03 phụ lục hợp đồng số: 25/09-1/PLHĐTC2020/PTP-QT ngày 22/9/2020 (Sau đây gọi tắt là phụ lục số 01), 25/09-2/PLHĐTC2021/PTP-QT ngày 30/6/2021 (Sau đây gọi tắt là phụ lục số 02) và 25/09-3/PLHĐTC2021/PTP-QT ngày 22/10/2021 (Sau đây gọi tắt là phụ lục số 03). Mặc dù người ký kết hợp đồng thi công và phụ lục số 01 của phía công ty T1 không phải là người đại diện theo pháp luật của pháp nhân nhưng ông Đinh Văn T có chức vụ Tổng giám đốc – là người điều hành công việc kinh doanh của công ty T1, sau khi ký, có đóng dấu của pháp nhân vào hợp đồng và phụ lục hợp đồng đã nêu trên. Đối với các phụ lục hợp đồng số 02 và 03, đại diện theo pháp luật của hai bên pháp nhân trực tiếp ký kết vào phụ lục. Đồng thời, sau khi thi công xong công trình, các bên có ký “Bảng quyết toán khối lượng hoàn thành”. Theo đó, đại diện theo pháp luật của cả hai công ty đều ký vào tài liệu này. Như vậy, chứng tỏ đại diện theo pháp luật của công ty T1 có biết việc công ty T1 có ký kết hợp đồng số 25/09/HĐTC2019/PTP-QT ngày 23/9/2019, phụ lục số 01 với công ty Đ như đã nêu mà không phản đối theo quy định tại điểm b, khoản 1 Điều 142 Bộ luật dân sự năm 2015. Phía công ty Đ do đại diện theo pháp luật của pháp nhân ký kết hợp đồng và các phụ lục theo khoản 1 Điều 13 Luật Doanh nghiệp năm 2014. Nội dung hợp đồng, phụ lục hợp đồng không trái đạo đức xã hội, không vi phạm điều cấm của pháp luật nên phát sinh hiệu lực đối với hai bên pháp nhân.

Thực hiện hợp đồng và các phụ lục hợp đồng, công ty Đ đã hoàn tất công việc thi công công trình “Thi công phần hệ thống MEP (hệ thống điện nước và điện nhẹ)” thuộc công trình Nhà khách Công vụ Công an tỉnh B với tổng giá trị quyết toán là 6.052.766.838 (Sáu tỷ không trăm năm mươi hai triệu bảy trăm sáu mươi sáu ngàn tám trăm ba mươi tám) đồng. Công ty T1 đã thanh toán

5.750.128.496 (Năm tỷ bảy trăm năm mươi triệu một trăm hai mươi tám ngàn bốn trăm chín mươi sáu) đồng. Công ty T1 còn nợ 302.638.342 (Ba trăm lẻ hai triệu sáu trăm ba mươi tám ngàn ba trăm bốn mươi hai) đồng chưa thanh toán cho công ty Đ do có khó khăn trong kinh doanh. Tại buổi hòa giải ngày 08/7/2024, các bên đương sự đã thống nhất số nợ, chỉ tranh chấp về thời gian trả nợ. Theo quy định tại khoản 5 Điều 95 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, có cơ sở xác định bị đơn còn thiếu nguyên đơn khoản tiền hợp đồng thi công đã ký kết để thi công công trình Nhà khách Công vụ Công an tỉnh B là 302.638.342 (Ba trăm lẻ hai triệu sáu trăm ba mươi tám ngàn ba trăm bốn mươi hai) đồng. Theo thỏa thuận tại Điều 7 hợp đồng, thời hạn bảo hành công trình là 18 (Mười tám) tháng kể từ ngày “Biên bản nghiệm thu hoàn thành” và đưa vào sử dụng công trình được Chủ đầu tư ký. Sau khi hết thời hạn bảo hành, hai bên kiểm tra lần cuối, ký biên bản nghiệm thu hết bảo hành sau khi công ty Đ sửa chữa xong các hư hỏng (nếu có) và công ty T1 sẽ thanh toán tiền bảo hành trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày ký biên bản nghiệm thu hết thời hạn bảo hành và nhận đủ hồ sơ yêu cầu thanh toán. Hồ sơ thể hiện, “Biên bản nghiệm thu hoàn thành” được Chủ đầu tư ký ngày 29/04/2022, trong thời gian bảo hành, bảo trì không có sự khiếu nại về chất lượng công trình, bảo hành, bảo trì công trình. Điều này đã thể hiện, công ty Đ đã thực hiện đúng về nghiệm thu, bảo hành, bảo trì công trình xây dựng theo quy định tại các điều 124, 125 và 126 của Luật Xây dựng năm 2014. Phía công ty T1 không cùng kiểm tra lần cuối và ký biên bản hết thời hạn bảo hành mặc dù đã được công ty Đ nhắc nhở đã thể hiện việc công ty T1 cố tình trốn tránh ký biên bản nghiệm thu bảo hành để chậm trễ việc thanh toán 5% giá trị hợp đồng còn giữ lại cho công ty Đ là vi phạm quy định về thanh toán tại Điều 144 Luật Xây dựng năm 2014. Tại phiên hòa giải ngày 08 tháng 7 năm 2024, bị đơn đề nghị trả dần số tiền còn thiếu theo phương thức trả mỗi năm 60.000.000 (Sáu mươi triệu) đồng. Xét đề nghị trả dần của bị đơn thấy, thời hạn chấm dứt bảo hành là ngày 30/10/2023 nhưng đến nay bị đơn không thanh toán đầy đủ cho nguyên đơn công nợ còn thiếu là đã ảnh hưởng rất lớn đến quyền lợi của nguyên đơn. Nay bị đơn đề nghị trả dần số công nợ với thời gian trả nợ kéo dài đã không được nguyên đơn chấp nhận. Đồng thời, đề nghị trả dần này của bị đơn cũng không có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận. Trên cơ sở đã lập luận, xét đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát, yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn trả ngay một lần số tiền công nợ còn thiếu là phù hợp và có cơ sở theo quy định tại khoản 1 Điều 275, khoản 1 Điều 278, khoản 1 Điều 280 của Bộ Luật Dân sự năm 2015 nên chấp nhận.

[3] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí là: 302.638.342 đồng x 5% = 15.131.917 (Mười lăm triệu một trăm ba mươi một ngàn chín trăm mười bảy) đồng;

Hoàn trả cho nguyên đơn tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 5 Điều 95, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào điểm b, khoản 1 Điều 142, khoản 1 Điều 275, khoản 1 Điều 278, khoản 1 Điều 280 của Bộ Luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 13 Luật Doanh nghiệp năm 2014;

Căn cứ vào Điều 306 của Luật Thương mại năm 2005 (Sửa đổi bổ sung năm 2017, 2019);

Căn cứ vào các điều 124, 125, 126 và 144 của Luật Xây dựng năm 2014;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào các Điều 2, 6, 7, 7a, 7b, 9, 30 Luật Thi hành án Dân sự năm 2008 (Sửa đổi, bổ sung năm 2014);

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn:

1.1. Buộc Công ty Cổ phần T1 phải thanh toán một lần cho Công ty Cổ phần Đ công nợ còn thiếu của Hợp đồng “Thi công xây dựng” số 25/09/HĐTC2019/PTP-QT ngày 23/9/2019 thi công công trình: “Thi công phần hệ thống MEP (hệ thống điện nước và điện nhẹ)” thuộc công trình Nhà khách Công vụ Công an tỉnh B. Số tiền phải thanh toán là 302.638.342 (Ba trăm lẻ hai triệu sáu trăm ba mươi tám ngàn ba trăm bốn mươi hai) đồng;

1.2. Kể từ ngày 27 tháng 8 năm 2024 cho đến khi thi hành án xong khoản tiền nói trên, hàng tháng Công ty Cổ phần T1 còn phải chịu khoản tiền lãi trên số tiền chậm trả theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả.

2. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

2.1. Công ty Cổ phần T1 phải chịu án phí là 15.131.917 (Mười lăm triệu một trăm ba mươi một ngàn chín trăm mười bảy) đồng;

2.2. Hoàn trả cho Công ty Cổ phần Đ 7.565.959 (Bảy triệu năm trăm sáu mươi lăm ngàn chín trăm năm mươi chín) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0022232 ngày 16 tháng 4 năm 2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND Quận 12;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huyền Tôn Nữ Kiều Hạnh